

Du lịch Việt Nam đầu thế kỷ XX

Trần Viết Nghĩa*

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Hà Nội
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội*

Nhận ngày 27 tháng 5 năm 2010

Tóm tắt. Đến đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã phát triển các hoạt động du lịch ở Việt Nam. Ban đầu chúng cử những nhà khoa học người Pháp đi tìm khắp Việt Nam những nơi có khí hậu mát mẻ để xây dựng các khu nghỉ dưỡng cho các quan chức thực dân. Một số nơi có phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ đã được các nhà khoa học Pháp phát hiện ra như Hạ Long, Sa Pa, Tam Đảo, Mẫu Sơn, Ba Vì, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Bạch Mã, Nha Trang, Đà Lạt, và Vũng Tàu. Những địa danh này đã được người Pháp xây dựng thành các khu nghỉ dưỡng, về sau phát triển thành các đô thị và trung tâm du lịch nổi tiếng. Nhiều du khách nước ngoài, đặc biệt là du khách châu Âu đã đến các địa điểm du lịch ở Việt Nam. Ở Việt Nam bắt đầu hình thành sở thích đi du lịch. Thực dân Pháp không chỉ khai thác du lịch như một ngành kinh tế, mà còn sử dụng nó để thu hút các nhà đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam. Thông qua các hoạt động du lịch, nhiều người Việt Nam đã biết đến nhiều địa danh du lịch nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới. Du lịch trở thành cầu nối văn hoá Việt Nam với nhiều nền văn hoá trên thế giới.

Trong lịch sử châu Âu đã có nhiều thương nhân, giáo sĩ và nhà thám hiểm đi khám phá nhiều vùng đất ngoại Âu. Nhưng phải đến thế kỷ XIX, du lịch mới trở thành một ngành kinh tế ở châu Âu. Đây là thời kỳ các nước thực dân phương Tây đã cơ bản phân chia xong các thuộc địa trên thế giới. Do đó, các nhà kinh doanh du lịch ở châu Âu đã có điều kiện tổ chức các tua (tour) du lịch cho các du khách châu Âu đi tham quan các thuộc địa. Người châu Âu lúc này đã có một sự hiểu biết đáng kể về các vùng đất trên thế giới thông qua các công trình nghiên cứu địa lý của các nhà khoa học và các nhà thám hiểm. Các tác phẩm văn học của Jules Verne, Rudyard Kipling, Julien

Viaud được coi là những cuốn sách hướng dẫn du lịch. Thêm vào đó là sự quảng bá tích cực của báo chí, tiêu biểu như các tờ *La Revue des deux mondes* (Tạp chí hai thế giới), *L'Illustration* (Báo ảnh) và *Le Tour du monde* (Vòng quanh thế giới), đã kích thích những người châu Âu vốn hiếu kỳ đi khám phá và tìm hiểu những vùng đất mới đầy kỳ bí và hấp dẫn mà họ chưa từng được đặt chân đến.

Sau khi chiếm được Việt Nam, chính quyền thuộc địa đã cử nhiều đoàn thám hiểm đi khảo sát và tìm kiếm khắp Việt Nam những nơi có địa hình đẹp, có khí hậu phù hợp với việc nghỉ dưỡng và du lịch. Qua các cuộc khảo sát đó, các nhà thám hiểm đã khám phá ra nhiều địa danh lý tưởng như Đà Lạt, Nha Trang, Sa Pa, Tam Đảo, Mẫu Sơn, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Bạch Mã,

* E-mail: nghiatv@vnu.edu.vn

Vũng Tàu, Ba Vì, và Hạ Long. Những địa danh này nhanh chóng được người Pháp xây dựng thành những trung tâm du lịch để kinh doanh kiếm lời. Đây cũng là cơ sở ban đầu cho sự hình thành ngành du lịch Việt Nam¹⁾.

1. Sự ra đời của ngành du lịch Việt Nam

Năm 1913, Maurice Rondet Saint, Thư ký của *Ủy ban du lịch thuộc địa Pháp*, sau khi trở về từ Đông Dương đã có bản báo cáo về những tiềm năng của du lịch Đông Dương: “*Du lịch đã làm biến đổi nhiều vùng trên trái đất và là một nhân tố kinh tế quan trọng hàng đầu. Ngoại trừ Tunisie và Algérie, thuộc địa của chúng ta cho đến tận bây giờ chiếm một vị trí rất mờ nhạt về du lịch... Đông Dương nằm trên một phần của thế giới nơi có mật độ du lịch lớn. Con số sau đây có thể chứng minh điều này: Hiện nay, Nhật Bản đón hàng năm khoảng 20.000 khách du lịch; Java là 8.000 khách; Philippines là 4.000 khách; Ấn Độ là 25.000 khách, trong khi đó Đông Dương chỉ có 150 khách. Nhật Bản là một nước mà về đẹp và những điều lý thú của nó rất nổi tiếng, nhưng hiển nhiên là không thể bằng Đông Dương. Java là nơi có rất ít những thứ để xem, lại càng không thể so sánh với Đông Dương ở bất cứ điểm nào. Phillippines thu hút được 4.000 khách du lịch cũng chỉ do những công dân Mỹ muốn tới thăm thuộc địa mới của mình. Đối với Ấn Độ, đó là một luồng khách được thiết lập từ lâu, được khai thác trong nguồn khách hàng quốc tế mà chuyến du lịch của họ phần nào mang tính chất cổ điển*” [8: 4-5].

Maurice Rondet Saint đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém của du lịch Đông Dương là do Chính phủ Pháp chưa có sự phối

hợp với các cơ quan du lịch quốc tế trong việc quảng bá hình ảnh Đông Dương ra nước ngoài, tổ chức và khai thác các tuyến điểm du lịch. Do đó hầu hết các khách hàng tiềm năng của thế giới đều không biết tới Đông Dương.

Báo cáo của Maurice Rondet Saint đã được *Bộ Thuộc địa*, nhất là *Ủy ban du lịch thuộc địa Pháp* hết sức quan tâm. Năm 1914, Ủy ban đã tiến hành quảng bá du lịch Đông Dương bằng cách xuất bản sách giới thiệu về Đông Dương và gửi thư đề nghị hợp tác du lịch tới các công ty du lịch trên thế giới. Ngay lập tức *Công ty Du lịch EMS- HALL* của Mỹ, có trụ sở tại San Francisco, đã viết thư đáp từ và tỏ ý muốn được cùng hợp tác để phát triển du lịch Đông Dương. Nội dung bức thư như sau:

“San Francisco, ngày 7- 3- 1914

Gửi Ủy ban du lịch thuộc địa

Trả lời bức thư của quý ngài ngày 17- 2 vừa qua, chúng tôi hân hạnh được thông báo cho ngài biết rằng lời đề nghị của quý ngài làm chúng tôi rất quan tâm. Hàng năm chúng tôi có khoảng từ 100 đến 200 người đăng ký cho chuyến du lịch Tour du monde (Vòng quanh thế giới). Dưới đây tôi kèm theo những chương trình tham quan để quý ngài thấy các tua du lịch của chúng tôi được phối hợp như thế nào.

Nhiều khách du lịch của chúng tôi đã thực hiện chuyến du lịch vòng quanh thế giới và tìm những vùng đất mới để tham quan. Chúng tôi có ý định tổ chức một chuyến du lịch từ San Francisco đến Tahiti, Niudilân, Úc, Philíppin, Hồng Kông, Nhật Bản và trở về San Francisco. Chúng tôi nghĩ rằng nếu chúng ta tổ chức quảng bá tốt ở Mỹ thì Đông Dương có thể sẽ có nhiều may mắn thay thế Ai Cập, bởi vì các khách du lịch sống ở phía Tây Chicago đến Đông Dương một cách dễ dàng. Theo tập ảnh mà quý ngài gửi cho chúng tôi, chúng tôi thấy rằng Đông Dương đặc biệt có thể thu hút khách du lịch.

¹⁾ Để viết được bài này, tôi xin chân thành cảm ơn anh Nguyễn Văn Thuyền, nguyên là cán bộ của *Trung tâm lưu trữ Quốc gia I*, đã cung cấp cho tôi những tư liệu (đã dịch từ tiếng Pháp) về du lịch Việt Nam đầu thế kỷ XX [1-7].

Công ty du lịch EMS- HALL sẵn sàng gửi tới Đông Dương một nhân viên du lịch có kinh nghiệm với nhiệm vụ nghiên cứu thực địa, xin gửi cho chúng tôi những tài liệu cần thiết cho phép chúng tôi lập các tuyến du lịch thường xuyên từ San Francisco tới Hồng Kông và Đông Dương. Để cho chuyến du lịch hoàn chỉnh hơn, chúng tôi sẽ đưa thêm Thái Lan, Singapo, Java, Philíppin và trở về San Francisco thông qua Nhật Bản...” [9: 1-2].

Du lịch Đông Dương đang có cơ hội phát triển thì bị ngưng trệ bởi Thế chiến thứ nhất (1914- 1918). Do đó, du lịch Đông Dương không có thêm một bước tiến đáng kể nào. Năm 1916 số du khách đến Đông Dương mới chỉ là 150 người [9: 58].

Sau Thế chiến thứ nhất, mặc dù không phải là ngành kinh tế mũi nhọn nhưng Pháp muốn lợi dụng du lịch để mời gọi các nhà tư bản đầu tư vào Việt Nam. Ngày 20- 10- 1922, Albert Sarraut, Bộ trưởng thuộc địa Pháp, đã gửi Chỉ thị cho các viên Toàn quyền ở các thuộc địa của Pháp hướng dẫn việc phát triển và khai thác du lịch: “*Có vẻ như thừa khi nhấn mạnh ở đây tới tính cần thiết về sự tổ chức du lịch; nó không chỉ cần thiết về mặt phát triển kinh tế của các thuộc địa của chúng ta; mà nó còn làm cho mọi người biết đến những lãnh thổ rộng lớn đặt dưới quyền của chúng ta, và cũng cần phải nói thêm rằng những lãnh thổ này vẫn còn xa lạ với những người nước ngoài hay ít nhất là đối với những người Pháp; một lợi ích cao hơn tầm quốc gia đòi hỏi chúng ta phải làm cho mọi người biết về hành động khai hoá văn minh và bình định của nước Pháp; một lợi ích riêng đòi hỏi các thuộc địa của chúng ta phải được tham quan, bởi vì hôm nay là một khách du lịch, ngày mai có thể trở thành thực dân và ví dụ này không phải là hiếm. Vì vậy, việc tổ chức du lịch phải gồm 2 chặng đường: 1. Quy hoạch các thuộc địa, 2. Khai thác du lịch ở thuộc địa và tổ chức tuyên truyền.*

1. Việc quy hoạch thuộc địa gồm: lập ra các tổ chức du lịch; công nghiệp khách sạn; kiểm kê các danh lam thắng cảnh và bảo tồn chúng; lập ra các rừng quốc gia và các khu bảo tồn săn bắn; nghiên cứu các tuyến điểm du lịch;...

2. Đồng thời với việc quy hoạch, cần phải quan tâm tới bước thứ hai, có nghĩa là việc khai thác du lịch ở thuộc địa và tổ chức tuyên truyền. Tôi cũng xin các ngài đặc biệt quan tâm tới tầm quan trọng của việc tổ chức các phương tiện vận chuyển bên ngoài cũng như bên trong nước, phù hợp với những đòi hỏi của khách du lịch...” [9: 43-44].

Ngày 27- 7- 1923, quyền Toàn quyền Đông Dương là Baudoin đã ra Nghị định thành lập Ủy ban du lịch trung ương (Comité central du Tourisme). Các thành viên của Ủy ban gồm Thủ hiến các xứ, Giám đốc các Sở Tài chính, Sở Kinh tế, Giám đốc Trường Viễn Đông bác cổ, và Kiến trúc sư trưởng của Sở kiến trúc. Ủy ban trực thuộc Phủ Toàn quyền. Nghị định cũng quy định việc thành lập Ủy ban du lịch vùng (Comité régional du Tourisme) ở mỗi xứ thuộc Liên bang Đông Dương. Ủy ban này có chức năng giúp các Thống sứ trong việc tổ chức hoạt động du lịch địa phương. Tuy nhiên, việc đặt các cơ quan du lịch dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phủ Toàn quyền và các Sở kinh tế đã làm cho hoạt động du lịch ở Đông Dương không có hiệu quả bởi vì những người phụ trách cao cấp không có nghiệp vụ du lịch. Hơn nữa, các chức vụ được giao chỉ có tính kiêm nhiệm nên không được họ quan tâm thoả đáng. Theo quy định, Ủy ban du lịch trung ương mỗi năm phải họp ít nhất một lần, nhưng từ năm 1923 đến năm 1928, Ủy ban chưa tổ chức được lần họp nào do không triệu tập được thành viên.

Để khắc phục nhược điểm đó, ngày 3- 4- 1928, quyền Toàn quyền Đông Dương là Monguillot đã ra Nghị định về việc tổ chức lại ngành du lịch Đông Dương. Nghị định cho phép thành lập Sở tuyên truyền và du lịch

(Service de la Propagande et du Tourisme), Văn phòng du lịch Đông Dương (Office indochinoise du Tourisme), và Văn phòng tuyên truyền (Bureau de la Propagande). Sở tuyên truyền và du lịch sẽ đảm nhiệm các công việc liên quan đến các hoạt động du lịch. Văn phòng du lịch Đông Dương có nhiệm vụ quan hệ với các Ủy ban du lịch địa phương; các công ty du lịch, các hãng du lịch và các tổ chức du lịch; thống kê và bảo tồn các danh lam thắng cảnh, rừng quốc gia và khu bảo tồn săn bắn; cải tạo hoặc quy hoạch các tuyến điểm du lịch, phương tiện giao thông và khách sạn. Văn phòng tuyên truyền có nhiệm vụ tập hợp và phổ biến các thông tin về tài nguyên, đời sống văn hoá, xã hội của Đông Dương; tổ chức chụp ảnh, làm phim, quảng cáo, hội chợ và triển lãm về Đông Dương; quan hệ với các cơ quan kinh tế, cơ quan ngoại giao và hãng thông tấn để đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền.

Rõ ràng, Nghị định năm 1928 đã khắc phục được những bất cập trong bộ máy tổ chức du lịch Đông Dương, làm cho bộ máy tổ chức ngành du lịch tinh gọn hơn và chuyên nghiệp hơn. Sở tuyên truyền và du lịch trở thành một cơ quan du lịch chính quy (9: 160).

2. Về hoạt động quảng bá du lịch

Trước Thế chiến thứ nhất, hầu hết các hoạt động quảng bá du lịch Đông Dương do Câu lạc bộ Touring của Pháp đảm nhiệm. Câu lạc bộ này được thành lập vào năm 1890 và trở thành một tổ chức hoạt động công ích từ năm 1907. Năm 1910, Câu lạc bộ thành lập Văn phòng du lịch thuộc địa, có trụ sở tại số 65, đại lộ Grande-Armée, và được đặt dưới sự bảo trợ của Tổng thống Pháp. Câu lạc bộ đã xuất bản sách giới thiệu về Đông Dương, gửi thư quảng cáo đến các công ty du lịch lớn trên thế giới, in các sách hướng dẫn du lịch v.v... để thu hút các khách du lịch Âu- Mỹ đến Đông Dương. Công

việc quảng bá đang tiến triển thuận lợi thì bị đứt quãng đột ngột do Thế chiến thứ nhất bùng nổ.

Sau Thế chiến thứ nhất, vấn đề khôi phục lại các hoạt động quảng bá du lịch Đông Dương trở nên cần thiết hơn, bởi nước Pháp cần phải khuyến khích mạnh mẽ các hình ảnh về Đông Dương để chào gọi các nhà đầu tư. Hoạt động quảng bá được đẩy mạnh hơn, nhộn nhịp hơn do có sự hỗ trợ đắc lực của các phương tiện truyền thông tiên ích như sách, báo, phim ảnh, hội thảo v.v... Thực dân Pháp đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, triển lãm tranh ảnh, chiếu phim về các danh lam thắng cảnh, phong tục, tập quán và các hoạt động du lịch tại Đông Dương ở Pháp, Anh, Mỹ và Nhật Bản.

Tháng 7- 1923, tạp chí chuyên ngành du lịch là *Revue du Tourisme indochinoise* (Tạp chí du lịch Đông Dương) ra đời tại Sài Gòn. Bên cạnh nó còn có một số tờ báo khác đã có những hỗ trợ đáng kể cho công tác tuyên truyền như tờ *La Dépêche coloniale* (Điện tín thuộc địa), *Revue indochinoise* (Tạp chí Đông Dương) và *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Tạp chí những người bạn yêu Huế).

3. Một số hoạt động du lịch tiêu biểu

Nhờ có sự quảng bá tích cực của các phương tiện truyền thông, các cơ quan du lịch nên các hoạt động du lịch ở Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung cũng có nhiều bước tiến đáng kể. Đã có một số công ty chuyên về du lịch và các công ty vận tải của Pháp và Đông Dương tham gia vào hoạt động tổ chức đưa đón khách đi du lịch như *Compagnie française du Tourisme* (Công ty du lịch Pháp), và *Messageries Maritimes* (Công ty vận tải biển). Phương tiện phục vụ du lịch ban đầu là tàu thủy, tàu hỏa, ô tô, xe kéo tay, vòng, kiệu, ngựa, sau này có thêm máy bay của Hãng hàng không Pháp Air France.

Các tuyến du lịch trọng điểm trong nước như Sài Gòn, Đà Lạt, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội, Hải Phòng, Sa Pa v.v... đã đón tiếp nhiều đoàn khách du lịch trong và ngoài nước. Nguồn khách đi du lịch ban đầu chủ yếu là người Âu-Mỹ. Người Việt chưa có thói quen đi du lịch và đời sống kinh tế còn có nhiều khó khăn. Sau Thế chiến, do tác động của việc quảng bá du lịch và đời sống kinh tế khá giả hơn nên đã có khá đông người Việt Nam tham gia vào các tua du lịch trong nước và nước ngoài.

Trong thời kỳ đầu du lịch là lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ và do người Pháp chiếm ưu thế hoàn toàn, về sau đã có một số người Việt chen chân vào kinh doanh du lịch, tiêu biểu là chủ hiệu ảnh Khánh Ký ở Sài Gòn. Ngày 7- 1- 1930, chủ hiệu ảnh Khánh Ký đã gửi thư cho chủ hiệu ảnh Hương Ký ở Hà Nội đề nghị cùng cộng tác tổ chức chuyến du lịch sang Pháp xem Hội chợ Paris: *“Trong này tôi vừa được giấy của hãng tàu cho réduction (giảm giá) về cuộc Đấu sảo Paris, vậy tôi có lập một cuộc du lịch ở trong này được nhiều người muốn đi lắm. Nay ông ở ngoài đó ông có biết ai muốn đi hoặc ông có đi sang qua bên đó để quan sát cho vui thì ông vào trong này đi với tôi cùng một chuyến tàu thì thực là tiện lợi lắm. Trong này tôi định tôi lấy vé tàu cùng vừa đi vừa về, cùng ăn ở bên đó tôi bao hết trong hai tháng ở Paris mà giá tiền rất rẻ. Như cách đi tàu hạng 1 Changeurs Réunis hay hạng 2 Messageries Maritimes cả ăn ở hai tháng hết thấy là 2200 \$. Cách đi hạng 3 Messageries hay hạng 3 Changeurs hết thấy là 1350 \$. Cách đi hạng tư hết thấy là 850 \$. Còn sự tiêu pha xe pháo ngoài Paris thì độ 3, 4 \$ một ngày là đủ. Còn cái tiện này nữa như có người Fonctionnaire (công chức) nào không có sẵn tiền dư thì đến khi đi trả trước cho một nửa số tiền, còn lại bao nhiêu thì có thể trả góp được làm 4 tháng. Như vậy thì thực là tiện hơn hết vì rằng ở trong này có nhiều fonctionnaire người ta bằng lòng như*

thế. Vậy ông xin vui lòng đủ cho được nhiều đi cho vui. Sau nữa về cái phần của ông đi thì tôi xin trâm trước nhiều. Lại còn mỗi một người đi được một cái bon- exposition (phiếu dự thưởng) may ra khi sổ sổ được 10.000 \$ cũng nên. Nhân đây tôi nhờ ông làm ơn dán dùm cho mấy cái nhật trình cho người ta biết và có ai hỏi thì nhờ ông trả lời dùm cho những lời tôi đã nói ở trên. Sau đây xin có lời kính chúc ông cùng quý quyến được vạn an. Nay kính lời. Khánh”[10: 3- 4].

Ngay sau đó, Khánh Ký và Hương Ký đã đăng các mẫu tin quảng cáo trên báo chí để tập hợp thêm khách cùng đi du lịch:

“Cuộc đi du lịch đấu sảo ở Paris

Kính cáo đồng bào trong khắp Tam kỳ biết rằng:

Chúng tôi có nhiều người rủ nhau đi du lịch cuộc đấu sảo Paris năm 1931 này để quan sát về Mỹ thuật, Kinh tế, Thực nghiệp và Văn minh Âu- Tây, nên chúng tôi tổ chức cuộc du lịch này thật là tiện lợi lắm...

Trong hai mươi người đi có một người đưa đường đi coi các danh thắng và thông ngôn cho mình. Ngài nào không biết tiếng Pháp cũng có người cắt nghĩa dành giọt...

Ngài nào muốn hỏi điều gì thêm hoặc muốn dự cuộc du lịch này xin biên thơ thẳng cho Khánh ký Photo Saigon hoặc quá bộ lại Hiệu Hương ký Photo, 84 Hàng Trống Hà Nội nói truyện. Kính đạt” [10: 2].

Sau sự thành công của tua du lịch năm 1931, Khánh Ký đã thiết lập một chi nhánh tại số 11, phố Balainville, quận 5, Paris. Năm 1937, Khánh Ký và hãng Cook đã phối hợp quảng cáo và tổ chức hai tua du lịch tham quan nước Pháp nhân dịp nước Pháp tổ chức hội chợ vào tháng 5 và tháng 11- 1937. Hai nhà tổ chức này còn sẵn sàng đáp ứng nếu khách có nhu cầu đi tham quan một số nước châu Âu như Anh, Bỉ, Đức, Thụy Sĩ và Ý.

Bên cạnh việc mở tuyến tham quan từ Việt Nam tới châu Âu thì một số công ty du lịch và cá nhân còn tổ chức các chuyến tham quan tới các nước ở châu Á như Thái Lan, Nhật Bản và Hồng Kông. Ngày 22- 6- 1937, Nguyễn Văn San, trú tại số 7, phố Minault, Bắc Ninh, đã gửi đơn lên Thống sứ Bắc Kỳ xin tổ chức tua du lịch đi Hồng Kông. Năm 1938, chính quyền thuộc địa Đông Dương dự định tổ chức một cuộc hành hương về thánh địa Méc ca để kiếm lời, nhưng thương vụ này không được người Việt Nam hưởng ứng.

4. Một số địa danh du lịch tiêu biểu

Địa danh Ba Vì: Núi Ba Vì (núi Tản Viên) có ba đỉnh: đỉnh Đông Nam cao nhất dài 1.284 mét; đỉnh giữa dài 1.160 mét; đỉnh Tây Bắc dài 1.140 mét. Ba Vì không ẩm như Tam Đảo và luôn có gió nên rất thông thoáng. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là $17^{\circ}8$ và cao nhất là $29^{\circ}6$. Năm 1914, người Pháp đã xây dựng được một con đường lên núi tới độ cao 400 mét. Tại độ cao này, năm 1916 ông Marius Borel đã xây dựng một trại chăn nuôi và một khu nhà nghỉ hè. Đây là nhà nghỉ mát đầu tiên ở Ba Vì [8, 56].

Đến năm 1937, tại độ cao 400 mét mới chỉ có 4 biệt thự của Borel, Trú sứ Sơn Tây, Demolle và bác sĩ Joyeux. Thực dân Pháp đã xây dựng một Trung tâm nghỉ mát cho quân đội ở chòm phía Bắc núi Ba Vì. Trung tâm có 15 ngôi nhà kiên cố và 2 nhà ăn. Cũng trong năm 1937, ông Regimbaud là chủ *Khách sạn Tổng* đã cho xây dựng một ngôi nhà sàn nhỏ ở độ cao 600 mét trên sườn Bắc để làm nơi nghỉ hè và trồng thử các loại rau quả. Mùa hè năm 1940, đã có khoảng 60 trẻ em người Pháp và người An Nam dưới sự hướng dẫn của Seitz đã cắm trại trong rừng ở độ cao 800 mét. Năm 1941, Seitz đã xây dựng hai ngôi nhà xây, có một

ngôi có chiều dài tới 30 mét tại độ cao này [8: 56- 57].

Đến năm 1942, chính quyền thuộc địa quyết định xây dựng Ba Vì thành một khu nghỉ mát trong tỉnh Sơn Tây. Ba Vì đã được cấp điện chiếu sáng và một đường dây điện thoại. Một bản quy hoạch đã được thảo ra gồm có một trạm bu điện, một chợ, một sân thể thao, xây một tuyến đường mới cho các xe lớn đi tới các khu nghỉ mát.

Năm 1942, Ba Vì đã có thêm 3 ngôi nhà nữa tại độ cao 800 mét được xây dựng để đón nhận 400 thanh niên. Con đường lên tới độ cao 1000 mét được khởi công ngày 26- 2- 1942 và lô thứ nhất ở độ cao 1000 mét đã được hoàn thành vào ngày 23- 4- 1943 [8: 59].

Khu nghỉ mát Ba Vì cũng thu hút được một lượng đáng kể khách du lịch người châu Âu và người bản xứ. Ba Vì có lợi thế về cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ, và khá gần Hà Nội và Sơn Tây. Nguồn cung ứng thực phẩm khá dồi dào và tiện lợi. Ngoài ra, Ba Vì còn thu hút khách du lịch bởi sự huyền bí của các khu rừng nguyên sinh, rất thích hợp cho các chuyến thám hiểm đầy thú vị.

Địa danh Bạch Mã: Năm 1932, Girard, kỹ sư trưởng ngành cầu đường, trong khi đi tìm một địa điểm nghỉ mát thuận lợi ở gần Huế đã phát hiện ra Bạch Mã, một ngọn núi cao 1.450 so với mực nước biển, cách Huế 40 km về phía Nam.

Do ở gần biển nên nhiệt độ ở Bạch Mã không bao giờ xuống dưới 4°C trong mùa đông và không vượt quá 26°C trong mùa hè. Tiết trời mát mẻ nhưng không lạnh. Nhiệt độ thay đổi từ 10°C đến 22°C [8: 77- 78].

Năm 1933, *Hạt công chánh Trung Kỳ* đã xây dựng tại Bạch Mã một ngôi nhà gỗ đầu tiên của khu nghỉ mát. Năm 1934, người Pháp đã xây dựng một con đường dùng cho cáng lên Bạch Mã. Năm 1936 đã có thêm 17 ngôi nhà gỗ

được xây dựng. Năm 1937, người Pháp đã làm một tuyến đường cho xe ô tô đi tới độ cao 500 mét. Tuyến đường được hoàn thành vào năm 1938. Nhờ có tuyến đường này mà khu nghỉ mát Bạch Mã phát triển nhanh chóng. Nhiều ngôi nhà mới được xây dựng: 40 ngôi nhà (1938), 45 ngôi nhà (1942) và 30 ngôi nhà (1943). Tổng số ngôi nhà của khu nghỉ mát lên tới con số 130 [8: 80].

Tại Bạch Mã có hai khách sạn, mỗi khách sạn có từ 6 tới 15 phòng, hoạt động từ đầu tháng 5 đến 15- 09. Quân đội Pháp có 15 ha để xây dựng trung tâm nghỉ hè, cho phép nhận một số lượng lên tới 300 quân nhân người Âu [8: 80].

Khu nghỉ mát Bạch Mã có diện tích 900 ha, sở hữu nhiều cảnh quan thiên nhiên rất đẹp như thung lũng Morang với các thác nước hoang dã (có thác nước cao tới 600 mét), con suối dài hàng cây số nằm uốn lượn trong một công viên thiên nhiên gồm dương xỉ, thông và phong lan. Với cảnh quan đẹp, cơ sở hạ tầng tương đối tốt, chất lượng dịch vụ và phục vụ tốt, khu nghỉ mát Bạch Mã đã thu hút được một lượng lớn khách tới nghỉ dưỡng và tham quan trong dịp hè.

Địa danh Đà Lạt: Nhà bác học người Pháp là Yersin đã phát hiện ra Đà Lạt. Năm 1893, Yersin đã chinh phục được đỉnh Langbian. Từ đây ý tưởng về xây dựng một khu điều dưỡng ở Đà Lạt được hình thành. Năm 1897, hai đoàn khảo sát của Pháp được phái đi từ Phan Rang. Đoàn thứ nhất do Thouard dẫn đầu đi nghiên cứu về việc lắp đặt đường sắt. Đoàn thứ hai do Garnier dẫn đầu đi nghiên cứu việc xây dựng đường bộ. Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương là Paul Doumer đã cưỡi ngựa lên vùng cao nguyên. Từ năm 1898 đến năm 1901, các đoàn khảo sát do Oddera, Garnier và Bernard dẫn đầu tới Đà Lạt để nghiên cứu xây dựng tuyến đường bộ từ Sài Gòn đi Đà Lạt. Năm 1901, phái đoàn do Guynet chỉ huy đã xây dựng một số ngôi nhà gỗ ở Đà Lạt. Năm 1902, do Paul

Doumer rời Đông Dương nên dự án xây dựng Đà Lạt tạm ngưng lại, và Langbian bị lãng quên trong mười năm sau đó. Phải đến năm 1921, Toàn quyền Albert Sarraut đã phê duyệt một khoản tín dụng để xây dựng một con đường và một số ngôi nhà ở Đà Lạt. Năm 1915, những du khách châu Âu đầu tiên đã đến Đà Lạt. Năm 1917, Toàn quyền Roume đã khánh thành *Dinh Langbian*. Đây là sự kiện đánh dấu sự ra đời của khu nghỉ mát Đà Lạt.

Năm 1922, chính quyền thuộc địa đã thực hiện bản quy hoạch của kiến trúc sư Hébrard để xây dựng Đà Lạt thành một đô thị. Hébrard đã quy hoạch Đà Lạt trở thành đô thị có sức chứa tới hơn 300.000 dân. Chính vì dân cư ở Đà Lạt lúc này rất thưa thớt nên các chi tiết thiết kế đều rất tuyệt vời. Không có các ngôi nhà chen chúc, khắp nơi là các biệt thự rộng rãi nằm giữa các khuôn viên, các vườn cây và hoa. Nhà quy hoạch đô thị tài ba này còn có ý tưởng tạo một hồ nhân tạo bằng cách chặn thác Cam Ly để tô điểm cho thành phố.

Sau khi cơ sở hạ tầng được xây dựng, người Pháp đã nhanh chóng đổ xô đến Đà Lạt kinh doanh. Họ đã biết tận dụng các điều kiện tốt về khí hậu và đất đai để xây dựng các trang trại trồng rau, cây ăn quả (mỗi năm Đà Lạt xuất hơn 1.200 tấn rau cho các địa phương khác), đồn điền trồng chè, trồng cà phê, trại chăn nuôi. Các khu vui chơi thể thao và giải trí nhanh chóng được xây dựng.

Đà Lạt là một trung tâm dã ngoại rất lý tưởng. Bởi địa hình cao nguyên ở đây rất đẹp, có những đường xe hơi và đường mòn chạy qua. Có nhiều điểm để ngắm cảnh như đỉnh Robinson, đỉnh ba cây thông, hồ than thở, rừng tình yêu, các thác nước ở Cam Ly và ở Ankroet. Hoạt động săn bắn ở các khu rừng gần Đà Lạt cũng rất hấp dẫn du khách. Đà Lạt còn là một trung tâm giáo dục và điều dưỡng về y tế. Chỉ sau vài thập kỷ phát triển, từ một nơi heo hút ít

ai đề ý tới, Đà Lạt đã trở thành một thành phố du lịch và nghỉ dưỡng nổi tiếng.

Địa danh Đồ Sơn: Năm 1880, Jean Dupuis đổ bộ lên bán đảo Đồ Sơn và tiến hành khảo sát qua loa các địa điểm ở đây rồi bỏ đi. Năm 1886, các ông Vlavianos, Costa và Gouma đã phát hiện ra Đồ Sơn [11: 45- 46]. Họ đã giới thiệu cho các gia đình người Âu ở Bắc Kỳ đến đây để trốn tránh cái nắng mùa hè.

Năm 1891, thực dân Pháp đã khởi công xây dựng một tuyến đường nối Hải Phòng với Đồ Sơn. Đến năm 1892, con đường đã được hoàn thành. Trú sứ Kiến An đã cho xây dựng ở Đồ Sơn một ngôi biệt thự [1: 46]. Ngay sau đó nhiều người Pháp đã đổ ra Đồ Sơn xây nhà. Những con đường lớn được xây dựng, phần lớn được trải nhựa.

Ngày 18- 5- 1909, Toàn quyền Đông Dương là Klobukowski ra Nghị định nâng cấp Đồ Sơn thành đô thị (1, 47). Từ khi trở thành đô thị, Đồ Sơn càng có sức hấp dẫn đối với các du khách. Du khách chọn Đồ Sơn làm điểm đến là vì ở đây có đường giao thông thuận tiện, cảnh sắc tươi đẹp, chất lượng phục vụ và dịch vụ tốt, khí hậu trong lành. Hàng năm từ tháng 5 đến tháng 10, rất nhiều du khách đã đến các Bãi Lớn, vịnh Clateau, vịnh Hoa tiêu (Baie des Pilotes), và vịnh Pagodon. Mặc dù có tới 150 biệt thự và ba khách sạn, nhiều nhà hàng, nhưng vẫn không đủ phục vụ khách đi nghỉ hè [11: 46- 47].

Địa danh Sa Pa: Đỉnh núi Fansipan ở Sa Pa được mệnh danh là ông hoàng của các ngọn núi ở Đông Dương. Fansipan nằm trên dãy núi Hoàng Liên Sơn với độ cao trên 3.000 mét so với mực nước biển. Những thác nước rạch vách núi thành những đường thẳng đứng dài óng ánh như bạc. Sa Pa có những cây đào trĩu quả, những đàn nhò xanh tốt, những con bò trên các bãi chăn thả, những ngôi biệt thự rêu phong, bãi đua ngựa, nhà thờ, những cửa hàng sặc sỡ và

ngôi chợ. Cảnh sắc Sa Pa thật hấp dẫn du khách.

Sa Pa phát triển nhanh chóng. Từ năm 1910 đến năm 1920, ở Sa Pa chỉ có 6 biệt thự, trong đó biệt thự Mangin là đẹp nhất. Từ năm 1920 đến 1930 đã có thêm vài chục ngôi nhà, một số khách sạn và Toà Công sứ. Từ năm 1930 đến 1940 có thêm 26 biệt thự và nhà thờ. Năm 1941 có thêm 01 biệt thự, năm 1942 có thêm 07 biệt thự và 1943 có thêm 10 ngôi nhà [11: 64].

Việc quy hoạch đô thị Sa Pa gặp nhiều khó khăn do địa hình có các thung lũng, khe, đồi và dốc. Bản quy hoạch phải thể hiện được ẩn sau Sa Pa hiện tại là một Sa Pa của tương lai. Không được phép mắc những sai lầm trong quy hoạch mà tương lai không thể sửa chữa được. Quy hoạch phải tôn trọng những gì quá khứ và hiện tại đã xây dựng. Quy hoạch phải chuẩn bị cho sự phát triển hài hoà của một đô thị lớn. Do đó, khu đô thị Sa Pa được người Pháp quy hoạch rất cẩn thận và chi tiết. Các khu chức năng được xác định rõ ràng như khu biệt thự cao cấp, khu biệt thự thường, khu dân cư, khu thương mại và công nghiệp, khu công viên, khu hành chính, khu giải trí,... Tất cả các công trình xây dựng phải được thiết kế sao cho hài hoà với cảnh sắc thiên nhiên ở nơi đây.

Địa danh Sầm Sơn: Khu nghỉ mát Sầm Sơn được phát hiện ra vào năm 1900 khi thực dân Pháp làm tuyến đường xuyên Đông Dương qua địa phận tỉnh Thanh Hoá. Nhận thấy tiềm năng du lịch và thương mại ở Sầm Sơn, người Pháp đã nhanh chóng tiến hành quy hoạch khu đô thị ở đây. Sầm Sơn gồm 2 trung tâm đô thị với tổng diện tích là 244 ha. Khu *Sầm Sơn thượng* nằm trên sườn núi đá ở phía nam khu nghỉ mát, trông ra biển. Ở đây có tới 40 biệt thự (trong đó có 32 biệt thự một tầng và 8 biệt thự có tầng lầu). Có nhiều con đường rộng có chất lượng tốt chạy ngang dọc trong khu đô thị để đi dạo bộ hoặc đi ô tô. Khu trung tâm được phủ xanh bằng các cây thông, cây phi lao và các cây có

hương thơm khác. Khu *Sầm Sơn hạ* có 214 nhà gạch, trong đó có 22 nhà tầng. Các ngôi nhà xếp thành 4 dãy phố dọc theo 2 km bờ biển [11: 72].

Khí hậu ở Sầm Sơn khá thoáng mát. Tháng lạnh nhất trong năm là tháng 1 có mức nhiệt độ trung bình là 15,7⁰C. Tháng 6 và tháng 7 có nhiệt độ nóng nhất. Nhiệt độ trung bình trong tháng 6 là 28,9⁰C. Biển Sầm Sơn yên tĩnh suốt mùa nóng. Nước biển mát và khá trong. Tại Sầm Sơn có rất nhiều hải sản như cá, cua, tôm, ốc, sò, và nghêu.

Khu du lịch Sầm Sơn có thể làm hài lòng du khách bằng các hoạt động tắm biển, câu cá, quần vợt, leo núi, đi bộ và dã ngoại. Những du khách mơ mộng và cô đơn có thể đắm mình trong khu *Rừng huyền bí* rộng hàng trăm ha ở phía Bắc. Ngoài ra du khách có thể đến thăm một số làng nghề sản xuất nước mắm, làm quạt và làm chiếu ở gần đó.

*Địa danh Vũng Tàu*¹⁾: Cho đến cuối thế kỷ XIX, Vũng Tàu vẫn chỉ là nơi đồn trú của hải quân Pháp. Từ năm 1895 đến 1902, người Pháp đã thực hiện bản quy hoạch đô thị do Outrey thiết kế. Outrey đã cho xây dựng trên biển một con đê chắn sóng dài tới 400 mét nhưng đã bị cơn bão năm 1904 cuốn trôi. Công việc xây dựng Vũng Tàu vì thế bị chậm lại. Đến năm 1917, tuyến đường thuộc địa số 15 đắp qua các đầm lầy với các cây cầu lớn qua các sông mới nối Vũng Tàu với đất liền. Từ đó Vũng Tàu phát triển rất mạnh.

Các điều kiện khí hậu tuyệt vời của Vũng Tàu đã lôi cuốn nhiều người Sài Gòn tới nghỉ dưỡng, phục hồi sức khoẻ. Một đường đường đã được xây dựng ở đây. Về sau nó được sáp nhập vào *Dại Khách sạn* (Grand Hôtel). Toàn quyền Đông Dương là Paul Doumer đã cho xây

dựng một biệt thự rất đẹp được đặt tên là *Biệt thự trắng* (Villa Blanche) [11: 84- 85]. Từ khi Vũng Tàu trở thành một đô thị, đã có nhiều biệt thự được xây dựng để phục vụ cho các hoạt động nghỉ dưỡng và du lịch ở đây.

Kết luận

Du lịch là một ngành kinh tế đem lại lợi nhuận cao ở nhiều nước, nhưng ở Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc du lịch không phải là một ngành kinh tế mũi nhọn mang lại siêu lợi nhuận. Thực dân Pháp lợi dụng du lịch như một thứ chim mồi để câu kéo các nhà đầu tư Pháp vào Việt Nam. Tuy nhiên, du lịch Việt Nam vẫn có những bước tiến đáng kể như từng bước được chuyên nghiệp hoá và trở thành một ngành kinh tế. Số lượng khách quốc tế đến tham quan Việt Nam cũng ngày một đông hơn (cũng có những thời điểm số lượng khách quốc tế sụt giảm do suy thoái kinh tế và chiến tranh thế giới) và đa dạng hơn (du khách đến từ Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan...). Ban đầu người Việt Nam cũng chưa thực sự hào hứng với hoạt động du lịch, nhưng về sau do nhu cầu làm ăn ở trong nước và quốc tế, tìm hiểu thế giới bên ngoài, cùng với điều kiện kinh tế dư dả đã làm cho ngày càng có nhiều người Việt Nam ham muốn đi du lịch. Địa chỉ du lịch ở châu Âu mà người Việt Nam thích đến nhất là nước Pháp, và ở châu Á là Thái Lan, Hồng Kông, Trung Quốc và Nhật Bản. Thông qua các công ty du lịch, các phương tiện truyền thông, thì những hình ảnh về đất nước, con người và văn hoá Việt Nam đã được giới thiệu đến nhiều nước trên thế giới. Du lịch bên cạnh ý nghĩa là một ngành kinh tế còn là một cầu nối văn hoá quan trọng giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài.

¹⁾ Thời Pháp thuộc địa danh Vũng Tàu có tên gọi là Ô Cáp hay Cap Saint Jacques. Tên Cap Saint Jacques do người Bồ Đào Nha đặt ra để nhớ tới vị thánh đỡ đầu nước họ là Jacques de Compstelle.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm lưu trữ quốc gia I (TTLTQGI), Phòng Phủ Thống sứ (RST), Hồ sơ số (HSS) 81973, *Organisation du tourisme colonial en Indochine en 1923* (Tổ chức du lịch thuộc địa Đông Dương năm 1923).
- [2] TTLTQGI, RST, HSS 75215, *Organisation du tourisme en Indochine, 1922- 1931* (Tổ chức du lịch Đông Dương, 1922- 1931).
- [3] TTLTQGI, RST, HSS 72548, *A.s programme d'organisation et de propagande touristiques, 1927* (Về chương trình tổ chức và tuyên truyền du lịch, 1927).
- [4] TTLTQGI, RST, HSS 75222, *A.s Activités du Conseil régional de Tourisme du Tonkin, 1922-1932* (Về các hoạt động của Ủy ban du lịch Bắc Kỳ, 1922- 1932).
- [5] TTLTQGI, RST, HSS 71711, *Propagande en faveur du Tourisme indochinoise, 1914- 1940* (Tuyên truyền cho du lịch Đông Dương, 1914-1940).
- [6] TTLTQGI, RST, HSS 72715, *A.s Constitution d'un Bureau officiel du tourisme en Indochine, 1928* (Về việc lập một Văn phòng du lịch Đông Dương, 1928).
- [7] TTLTQGI, RST, HSS 75210, *Excursions et croisières touristiques organisés en Indochine, 1932- 1938* (Các chuyến tham quan và các chuyến du lịch đường biển được tổ chức ở Đông Dương, 1932- 1938).
- [8] TTLTQGI, RST, HSS 20859, *Organisation du tourisme en Indochine, 1913* (Tổ chức du lịch Đông Dương, 1913).
- [9] TTLTQGI, RST, HSS 72710, *Organisation et développement du tourisme en Indochine, 1914-1929* (Tổ chức và phát triển du lịch ở Đông Dương, 1914- 1929).
- [10] TTLTQGI, RST, HSS 75211, *A.s Croisières touristiques organisées hors d'Indochine, 1931-1939* (Về các chuyến du lịch đường biển được tổ chức ngoài Đông Dương, 1931- 1939).
- [11] *Tình thành xưa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Hải Phòng, Hải Phòng, 2004.

Some features on Vietnam tourism during the French colonial period

Tran Viet Nghia

College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

To the early XX century, the French colonial government developed many tourist centers in Vietnam. At first, it sent some scientist groups to go around Vietnam to find the cool sites to build the resorts for the French colonial officials. Some sites where had the beautiful landscapes and low temperature were found, such as Ha Long, Sa Pa, Tam Dao, Mau Son, Ba Vi, Do Son, Sam Son, Bach Ma, Nha Trang, Da Lat and Vung Tau. They had been built into resorts, and then became the famous tourist centers. Many foreign visitors, especially the Europeans went to Vietnam tourist sites. There were more and more Vietnamese people who liked becoming visitors. The French colonial government not only exploited Vietnam tourism as an economic branch, but also used it to attract the foreign investors to Vietnam. Tourism also became the bridge to link Vietnam culture to other cultures in the world.